

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST.

Ngày: 30/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thơ.

2. Ông Nguyễn Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X tham gia phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh X, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST- HS ngày 02 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Ngọc T; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 12/8/1989 tại tỉnh X; nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô T, sinh năm 1951 và bà Phạm T H1, sinh năm 1955. Bị cáo chưa có vợ, con, là con út trong gia đình có 03 anh, chị em. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Ngọc T: Ông Tạ Văn N - Luật sư của Văn phòng luật sư Sài Gòn An Nghiệp, thuộc đoàn luật sư tỉnh X. Địa chỉ: Số G, phường E, thành phố X, tỉnh X. Có mặt.

- Bị hại: Anh Đồng Văn T4, sinh năm 1986 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Đồng Văn T4:

+ Ông Đồng Văn N1, sinh năm 1966.

+ Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1966.

+ Chị Lê Thị H2, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: cùng trú tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X.

(Ông Đồng Văn N1 và bà Phạm Thị Y ủy quyền cho chị Lê Thị H2 tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 06/7/2020). Bà Phạm Thị Y và chị Lê Thị H2 có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị H2:* Ông Đinh Văn H3 - Luật sư văn phòng luật sư Văn H3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh X. Địa chỉ: số 592 Nguyễn Huệ, phường Quyết Thắng, thành phố X, tỉnh X. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Đồng Thị D, sinh ngày 23/7/2014.

Đại diện hợp pháp của cháu Đồng Thị D: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1979 (mẹ của cháu Diệu). Có mặt.

Nơi cư trú: cùng trú tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X.

+ Ông Ngô T, sinh năm 1951. Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Ngô Văn T2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976. Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình của Ngô Ngọc T (*trú tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X*) có 01 (một) rẫy trồng cây cà phê tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X. Trước đây, trong quá trình canh tác, trồng cây trên rẫy thì thường xuyên bị người khác phá hoại, chặt phá hoa màu, cây cối trồng trên rẫy; lần gần nhất là vào ngày 28 tháng 04 năm 2020 bị chặt phá 190 gốc cây cà phê, vì vậy nên T đã mua và lắp một bộ camera để quan sát gồm có 04 (bốn) camera hồng ngoại được lắp ở 4 góc nhà rẫy nhằm mục đích bảo vệ tài sản, cây trồng trên rẫy của gia đình.

Khoảng 21h00 ngày 06/6/2020 Ngô Ngọc T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 82M1-01926 của T đi đến rẫy của gia đình thuộc thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X và

ngủ lại trong nhà xây cất ở trong rẫy để trông coi cây cà phê và các vật dụng để canh tác. Trong lúc T đang ngủ thì Đồng Văn T4 (*sinh năm: 1986 cùng trú tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X, là em con dì ruột của T tên là Phạm Thị Y*) đi đến rẫy cà phê của gia đình T, dùng dao chặt phá cây cà phê. Lúc này khoảng 22h00 cùng ngày, vì nghe có tiếng động phát ra ở rẫy nên T tỉnh dậy và cầm phích điện màn hình camera quan sát, phát hiện trên màn hình camera có người đang chặt phá cây cà phê. Thấy vậy, T bức tức, lấy đèn pin đội đầu bật sáng và tay cầm theo 01 con dao tự chế dài khoảng hơn 01 mét, đi ra ngoài rẫy về hướng có người đang chặt phá cây cà phê để xem ai đang chặt phá cà phê của gia đình. Khi đến cách khoảng 06 mét, soi đèn pin thì T trông thấy có người đang núp dưới gốc cây cà phê nên đã soi đèn pin thẳng mặt người này thì phát hiện đó là Đồng Văn T4, T nói với T4 “*Nay anh bắt được mày chặt phá cà phê của anh nhá, anh có làm gì mày mà mày chặt phá cà phê của anh?*”. Lúc này, Tuấn đứng dậy, T cầm dao tự chế chỉ về phía T4 và nói: “*Anh đi báo công an mày chặt cà phê của anh*”. T4 không nói gì, tay cầm 01 (*một*) con dao tiến đến chỗ Thiệu. Khi T4 tiến đến gần Thiệu, nghĩ rằng T4 cầm dao để chém mình nên T cầm dao bằng tay phải, giơ con dao lên cao chém về phía người của T4, T4 nghiêng người tránh sang phía bên trái thì bị dao chém trúng cánh tay phải. Lúc này, T4 dùng dao chém lại nhưng do dao ngắn nên không trúng người T, T tiếp tục cầm dao giơ lên cao chém về phía người T4 2 nhát nữa, trong đó 01 nhát trúng vào vùng cổ bên trái của T4, còn 1 nhát trúng vùng đầu của T4. Sau khi bị T chém, T4 nằm gục dưới gốc cây cà phê và gãy giữa; lúc đó T bỏ con dao vừa dùng để chém T4 ra và dùng 2 tay giật con dao từ tay T4, sau khi giật được con dao từ tay T4 thì T cầm con dao của T và của T4 để ở bên cà phê gần vị trí T đã chém T4 (*con dao của T cắm xuống đất, con dao của T4 để bên cạnh*). Lúc này T nhìn thấy T4 chảy nhiều máu, cơ thể co giật nên hoảng loạn, đi qua đi lại, sau đó đi đến nhà rẫy lấy điện thoại gọi cho anh Nguyễn Văn T3 là Công an viên thôn A, xã B, huyện C, tỉnh X để trình báo về sự việc vừa xảy ra tại rẫy. Một lúc sau anh T3 đi xe mô tô đến, T nói với anh T3: “*Tôi và T4 đánh nhau, T4 đang nằm gục ở kia*” và chỉ chỗ T4 đang nằm, anh T3 đến kiểm tra rồi quay lại nói với T: “*Hình như T4 chết rồi*”; sau đó anh T3 gọi điện cho công an xã Sa Nhơn đến đưa T về trụ sở công an xã để lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú; tại đây, T đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 113/KLGD-PC09 ngày 09/06/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh X kết luận: Nguyên nhân chết của Đồng Văn T4 là: Mất máu cấp do vết thương đứt và rách động mạch cảnh bên trái, đứt cơ và cột sống cổ.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Sở Tài chính tỉnh X kết luận: 23 (*hai mươi ba*)

gốc cây cà phê của gia đình Ngô Ngọc T thiệt hại giá trị 3.404.000 đ (*Ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng*).

Đối với hành vi của bị hại Đồng Văn T4 đã chặt phá cây 23 (hai mươi ba) cây cà phê của gia đình Ngô Ngọc T giá trị 3.404.000 đ (*Ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng*) có dấu hiệu của tội “Hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, do người thực hiện hành vi đã chết, căn cứ khoản 7 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh X không khởi tố vụ án.

Vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

+ 01(*một*) con dao dài 39cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn dài 12 cm. lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông tù (không có đầu nhọn) dài 27cm, phần rộng nhất là 7,5 cm, phần hẹp nhất là 2,3cm (*Đây là con dao mà Đồng Văn T4 sử dụng để chặt phá 23 gốc cây cà phê và cầm trên tay khi bị Ngô Ngọc T phát hiện*);

+ 01 (*một*) con dao tự chế, dài 110cm, cán dao bằng kim loại dạng trụ tròn, lưỡi dao bằng kim loại dài 75,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4cm, lưỡi dao có đầu nhọn. (*Đây là con dao mà Ngô Ngọc T dùng để chém Đồng Văn T4; Nguồn gốc con dao: Con dao này do Ngô Ngọc T lượm được cách thời gian gây án khoảng 1 năm*);

+ 01 (*một*) đèn pin LED HEADLIGHT (*Đây là đèn pin mà T sử dụng để đội đầu trong khi dùng dao chém Đồng Văn T4*);

+ 01 (*một*) USB hiệu Kingston màu xanh dương bên ngoài có chữ: DT 101 G2;

+ 01 (*một*) thiết bị lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera màu đen nhãn hiệu KB vision.

Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đồng Văn T4 là chị Lê Thị H2 (là vợ của bị hại) yêu cầu Ngô Ngọc T đền bù số tiền là: 69.300.000đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền mai táng và yêu cầu T phải hỗ trợ tiền nuôi 02 (hai) con còn nhỏ của T4 gồm cháu Đồng Thị D, sinh năm: 2014 và con riêng của chị Lê Thị H2, cháu Lê Thị Uyên sinh năm 2006 đến khi các cháu được 18 tuổi, với số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) trên 1 tháng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo Ngô Ngọc T đã tác động cha của bị cáo là ông Ngô T bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh X theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0005416 ngày 16/10/2020.

- Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-P2 ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X đã truy tố bị cáo Ngô Ngọc T về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại Đồng Văn T4 là chị Lê Thị H2 và luật sư Đinh Văn H3 đề nghị Hội đồng xét xử chiếu lại đoạn phim ghi lại hành vi giết người của bị cáo Đồng Văn T4 được thu thập trong quá trình điều tra. Tòa án đã tiến hành trích xuất, mở niêm phong 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh dương bên ngoài có chữ: DT 101 G2 và công chiếu video từ USB nêu trên; sau đó đã niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X phát biểu lời luận tội đối với bị cáo Ngô Ngọc T, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố; phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Đồng thời, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 123 ; điểm b, e, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc T từ 05 đến 06 năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại liên quan đến cái chết của bị hại (bao gồm chi phí cho việc mai táng bị hại Đồng Văn T4, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung của bị hại Đồng Văn T4 và chị Lê Thị H2) là 337.770.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường các khoản tiền trên theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại. Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao tự chế, dài 110cm, cán dao bằng kim loại dạng trụ tròn, lưỡi dao bằng kim loại dài 75,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4cm, lưỡi dao có đầu nhọn là công cụ phạm tội; 01(một) con dao dài 39cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông tù (không có đầu nhọn) dài 27cm, phần rộng nhất là 7,5 cm, phần hẹp nhất là 2,3cm là công cụ bị hại Đồng Văn T4 sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật; không còn giá trị sử dụng. Trả lại cho bị cáo Ngô Ngọc T: (01 (một) đèn pin LED HEADLIGHT; 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera màu đen nhãn hiệu KB vision được niêm phong trong một hộp giấy (hộp catton) được dán kín bằng giấy niêm phong màu trắng bên ngoài có chữ ký niêm phong của: Đinh Quốc T4, Trần Phi Sơn, Ngô Văn T2, Nguyễn Viết Trung, Trương Xuân Huyền, Nguyễn Thanh Hiếu, Nguyễn Duy Chuyên và 09 (chín) dấu

tròn niêm phong của Công an thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh X; không liên quan đến việc phạm tội. Lưu trữ chứng cứ theo hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh X: 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh dương bên ngoài có chữ: DT 101 G2.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Ngọc T là luật sư Tạ Văn N có ý kiến như sau:* Thông nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X, không bổ sung gì thêm; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Ngô Ngọc T mức án 05 năm tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị H2 là Luật sư Đinh Văn H3 có ý kiến như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường bồi thường thiệt hại” và tình tiết “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm b, e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị; chỉ chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Ngọc T 07 năm tù về tội “Giết người”

Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Lê Thị H2 và bà Phạm Thị Y không có ý kiến gì, cùng thỏa thuận thống nhất với bị cáo Ngô Ngọc T về tổng số tiền bồi thường là 337.770.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà ông đã bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Ngọc T không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh X, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Qua phần tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Ngô Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Vào khoảng 22 giờ ngày 06/6/2020, trong lúc trông coi tại rẫy cà phê của gia đình, qua hình ảnh chiếu từ camera Ngô Ngọc T phát hiện Đồng Văn T4 dùng dao chặt phá cây cà phê của mình nên đã chạy ra nơi cà phê đang bị chặt phá, đây là hành vi vi phạm pháp luật của người bị hại. Trong khi nói chuyện với T4, bị cáo thấy Đồng Văn T4 cầm dao tiến thẳng về phía mình, mà lẽ ra khi bị phát hiện người bị hại bỏ chạy hoặc có thái độ lo sợ, nhưng ngược lại khi bị phát hiện người bị hại vẫn ngang nhiên cầm dao tiến thẳng về phía bị cáo. Lúc này vừa bức tức vì rẫy cà phê của mình trước đây thường xuyên bị kẻ gian vào chặt phá, đồng thời có suy nghĩ T4 sẽ dùng dao tấn công mình, nên Ngô Ngọc T đã sử dụng con dao bằng kim loại dài 110 cm, cán dao dạng hình trụ, lưỡi dao dài 75,5 cm, phần rộng nhất 4 cm, mũi dao nhọn chém anh T4 01 nhát trúng tay, do người bị hại dùng dao chém lại nhưng do dao ngắn nên không trúng bị cáo, lúc này bị cáo chém tiếp 2 nhát lần lượt vào cổ và đầu của nạn nhân. Hậu quả: bị hại Đồng Văn T4 bị mất máu cấp do vết thương đứt và rách động mạch cảnh bên trái, đứt cơ và cột sống cổ dẫn đến tử vong.

Tại thời điểm thực hiện hành vi tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của bị hại với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Do đó, hành vi của bị cáo Ngô Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*” được quy định tại khoản 2 điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi thực hiện hành vi giết người khi chưa bị phát hiện, bị cáo đã tự thú, tự nguyện khai báo với cơ quan công an về hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, cần được áp dụng đối với bị cáo.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, thấy rằng:

Mâu thuẫn giữa bị cáo và gia đình bị hại Đồng Văn T4 đã phát sinh và kéo dài từ lâu (khoảng 2015), hai gia đình thường xuyên có sự xích mích, cãi vã qua lại với nhau, trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo Ngô Ngọc T cũng đã có hành vi đánh người nhà của bị hại Đồng Văn T4.

Việc bị hại T4 chửi bới của gia đình bị cáo là hành vi trái pháp luật, có một phần lỗi dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi giết người, nhưng khi phát hiện ra anh T4 bị cáo đã có một khoảng thời gian để nói chuyện với bị hại và có ý định báo Công an nhưng lại lựa chọn không thực hiện mà ra tay chém anh T4 trước. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo không phải “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Ngô T có bồi thường cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, nhưng không bồi thường trực tiếp cho gia đình bị hại mà nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh X. So sánh với hậu quả và thiệt hại mà bị cáo đã gây ra, với tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại thì số tiền này là không đáng kể.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để lượng hình đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Qua phân tích, đánh giá, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của bị hại Đồng Văn T4; gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Đối với hành vi của bị hại Đồng Văn T4 đã chặt phá cây 23 (hai mươi ba) cây cà phê của gia đình Ngô Ngọc T giá trị 3.404.000 đ (Ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng) có dấu hiệu của tội “Hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, do người thực hiện hành

vi đã chết, căn cứ khoản 7 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh X không khởi tố vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét thêm

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao tự chế, dài 110cm, cán dao bằng kim loại dạng trụ tròn, lưỡi dao bằng kim loại dài 75,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4cm, lưỡi dao có đầu nhọn là công cụ phạm tội; 01 (một) con dao dài 39cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông tù (không có đầu nhọn) dài 27cm, phần rộng nhất là 7,5 cm, phần hẹp nhất là 2,3cm.

Trả lại cho bị cáo Ngô Ngọc T: 01 (một) đèn pin LED HEADLIGHT; 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera màu đen nhãn hiệu KB vision được niêm phong trong một hộp giấy (hộp catton) được dán kín bằng giấy niêm phong màu trắng bên ngoài có chữ ký niêm phong của: Đinh Quốc T4, Trần Phi Sơn, Ngô Văn T2, Nguyễn Việt Trung, Trương Xuân Huyền, Nguyễn Thanh Hiếu, Nguyễn Duy Chuyên và 09 (chín) dấu tròn niêm phong của Công an thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh X.

Lưu trữ chứng cứ theo hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh X: 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh dương bên ngoài có chữ: DT 101 G2 được niêm phong trong một phong bì màu trắng có chữ viết “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH X. ĐC: 204 Trần Phú – Tp. X. ĐT: 02603 862 526- Mail: kontum@toan.gov.vn” có chữ ký niêm phong của những người tham gia niêm phong gồm: Nguyễn Tất Duẩn, Nguyễn Thị Mai, Ngô Mạnh Chung, Ngô Ngọc T, Tạ Văn Nghiệp, Lê Thị H2, Đinh Văn H3 và 03 (ba) dấu tròn niêm phong của Tòa án nhân dân tỉnh X tại vị trí giáp lai của bì niêm phong.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Ngô Ngọc T bồi thường toàn bộ thiệt hại liên quan đến cái chết của người bị hại là 337.770.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường tất cả khoản tiền nêu trên. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này; bị cáo đã bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 332.770.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Ngô Ngọc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị

cáo phải tiếp tục bồi thường là 332.770.000 đồng x 5% = 16.638.500 đ (*Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 38; khoản 2 Điều 123 ; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Ngô Ngọc T phạm tội “*Giết người*”.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Ngọc T 07 (*bảy*) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 07/6/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 468, 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Ngọc T phải tiếp tục bồi thường số tiền 332.770.000 đ (*Ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*) cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đồng Văn N1, bà Phạm Thị Y, chị Lê Thị H2 và cháu Đồng Thị D.

Ông Ngọ, bà Yên, chị Hoàn và cháu Diệu được nhận số tiền 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*) mà ông Ngô T đã bồi thường thay cho bị cáo T theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0005416 ngày 16/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh X.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm thanh toán bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) con dao tự chế, dài 110cm, cán dao bằng kim loại dạng trụ tròn, lưỡi dao bằng kim loại dài 75,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4cm, lưỡi dao có đầu nhọn; 01 (*một*) con dao dài 39cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông tù (không có đầu nhọn) dài 27cm, phần rộng nhất là 7,5 cm, phần hẹp nhất là 2,3cm.

Trả lại cho bị cáo Ngô Ngọc T: 01 (*một*) đèn pin LED HEADLIGHT; 01 (*một*) thiết bị lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera màu đen nhãn hiệu KB vision được niêm phong trong một hộp giấy (hộp catton) được dán kín bằng giấy niêm phong màu trắng bên ngoài có chữ ký niêm phong của: Đinh Quốc T4, Trần Phi Sơn, Ngô Văn T2, Nguyễn Viết Trung, Trương Xuân Huyền, Nguyễn Thanh Hiếu, Nguyễn Duy

Chuyên và 09 (chín) dấu tròn niêm phong của Công an thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh X.

Lưu trữ chứng cứ theo hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh X: 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh dương bên ngoài có chữ: DT 101 G2 được niêm phong trong một phong bì màu trắng có chữ viết “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH X. ĐC: 204 Trần Phú – Tp. X. ĐT: 02603 862 526- Mail: kontum@toan.gov.vn” có chữ ký niêm phong của những người tham gia niêm phong gồm: Nguyễn Tất Duân, Nguyễn Thị Mai, Ngô Mạnh Chung, Ngô Ngọc T, Tạ Văn Nghiệp, Lê Thị H2, Đinh Văn H3 và 03 (ba) dấu tròn niêm phong của Tòa án nhân dân tỉnh X.

Các vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh X và Cục Thi hành án dân sự tỉnh X và Biên bản niêm phong tài liệu chứng cứ ngày 30/10/2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh X.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 21; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Ngọc T phải nộp 200.000 đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 16.638.500 đ (*Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (30/10/2020) lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh X;

- Công an tỉnh X;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh X;
- Cục THA dân sự tỉnh X;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- TTG Công an tỉnh X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tỷ